

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Bà Trương Thị Tất.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp 2, xã t, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh T kết hôn từ năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn L), huyện B,

tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 16-5-2016. Từ khi kết hôn cho đến nay, chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, không chăm sóc cho gia đình, vợ con. Chị H và anh T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có một con chung tên Nguyễn Hoài Bảo A, sinh ngày 09-7-2016. Hiện cháu A đang sinh sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị H xin rút lại yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc và hiện nay đã ly thân. Cháu A hiện do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Tại phiên tòa, chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu đã rút này. Từ những phân tích trên có đủ căn cứ để đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Bị đơn anh Nguyễn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn L), huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 16-5-2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2018, chị H và anh T sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung tên Nguyễn Hoài Bảo A, sinh ngày 09-7-2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Hiện nay, cháu A đang sống ổn định với chị H. Chị H có công việc, thu nhập ổn định và đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên cần giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tại phiên tòa, chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, việc xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút này.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Bảo A, sinh ngày 09-7-2016 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị H.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0021484 ngày 03-3-2020 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Bàu Bàng ;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 16-5-2016);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân (nếu có);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Ngân